

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01/11/2018

V/v: “ *Tranh chấp xin
ly hôn và nuôi con chung* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Bửu Khánh**

2. Bà **Dư Mỹ Linh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Đình Nguyên** – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang :* Bà **Trần Thúy An** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 313/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lâm Hoài V** – Sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: 33 P, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị **Huỳnh Cẩm H** – Sinh năm: 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lâm Văn C** – Sinh năm: 1954 và Lê Thị M – Sinh năm: 1956.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh **Lâm Hoài V** trình bày: Anh và chị **H** không tìm hiểu quen biết trước mà được gia đình cha mẹ hai bên mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, lễ cưới được tổ chức vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới nhau, anh và chị **H** cùng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh làm và sinh sống tại đây. Cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị **H** thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì mâu thuẫn phát sinh, anh và chị **H** thường xuyên xảy ra bất đồng quan

điểm sống, bản thân chị H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ chồng con đi chơi đến khuya. Anh đã nhiều lần nhắc nhở để chị H sửa đổi bản thân nhưng chị H vẫn không thay đổi. Chính vì vậy, anh và chị H đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy giữa anh và chị H không thể nào tiếp tục chung sống vợ chồng với nhau nên anh yêu cầu ly hôn với chị H. Quá trình chung sống, anh và chị H có với nhau một con chung tên Lâm Gia P – Sinh ngày 26/6/2015, hiện nay con đang sống với anh nhưng do đặc thù công việc anh phải đi công tác nên đã gửi cháu P về cho ông bà nội là ông Lâm Văn C và bà Lê Thị M chăm sóc. Đối với con, anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2018 và tại phiên Tòa, bị đơn chị Huỳnh Cẩm H trình bày: Chị xác định trình bày của anh V về hôn nhân, con chung là đúng. Nhưng đối với mâu thuẫn vợ chồng anh V cho rằng chị thiếu trách nhiệm với gia đình là không đúng. Chị luôn lo lắng chăm sóc con cái, trong khi anh V là người vũ phu, thường xuyên đánh đập chị xem chị như một con ở. Có đôi khi anh V đánh chị, chị không biết lý do gì. Còn việc chị đi về khuya là có lý do của chị, do việc làm trước đây phải làm tăng ca nên đôi khi chị về tối. Nay anh V yêu cầu ly hôn chị đồng ý vì nếu tiếp tục sống với anh V chị không biết lúc nào tính mạng mình gặp nguy hiểm. Về con, chị thừa nhận hiện con đang sống với ông bà nội ở quê, anh V yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng bé P, chị không đồng ý vì bé P còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Bản thân anh V hay đi công tác xa nên không gần gũi cháu hơn chị. Mặc khác, cháu cũng không do anh V trực tiếp nuôi mà gửi ông bà nuôi, nên tình thương của ông bà dành cho cháu không thể bằng tình yêu thương của mẹ. Nếu được quyền nuôi con, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Văn C và bà Lê Thị M cùng xác định bé Lâm Gia P hiện nay do ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Ông bà chỉ chăm sóc cháu P hộ cho anh V, còn việc nuôi dưỡng cháu là do anh V thực hiện. Hàng tuần anh V đều về thăm nom, chăm sóc con. Nay giữa anh V và chị H tranh chấp giành quyền nuôi con, ông bà không ý kiến, nếu giải quyết giao ai nuôi thì ông bà sẽ chịu trách nhiệm giao lại cháu. Tuy nhiên, ông bà xác định từ khi ông bà nhận chăm sóc cháu P, chị H biết rõ con đang sống ở quê với ông bà nội nhưng chị H không một lần về thăm hoặc điện thoại thăm hỏi con cái.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Anh V và chị H có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa anh V và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa anh V và chị H đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này, anh chị cũng không tìm cách hàn gắn, bỏ mặc cho hôn nhân của anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Tại phiên Tòa chị H cũng đồng ý ly hôn với anh V. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 01 – Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh V được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Anh V, chị H ai cũng có yêu cầu được quyền nuôi con và chứng minh điều kiện kinh tế đảm bảo nuôi con phát triển tốt. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho con của anh V, chị H phát triển ổn định về mặt tinh thần, nên thời gian qua cháu sống với anh V, cháu phát triển tốt. Bản thân chị H không cung cấp chứng cứ nào chứng minh anh V nuôi con không đảm bảo sức khỏe và tinh thần bị hạn chế hay ông C, bà M có hành vi ngược đãi cháu P. Và trong thời gian anh V nuôi dưỡng cháu P, chị H không một lần đến thăm hỏi hay chăm sóc cháu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh V, giao cháu P cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng và chị H cũng không có ý kiến nên đề nghị không xem xét. Về tài sản và nợ chung anh V, chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Buộc anh V chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh Lâm Hoài V khởi kiện xin ly hôn và được quyền nuôi con với chị Huỳnh Cẩm H nên đây được xem là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại Khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn chị Huỳnh Cẩm H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại Khoản 01- Điều 35; điểm a – Khoản 01 – Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lâm Hoài V và chị Huỳnh Cẩm H được gia đình cha mẹ hai bên mai mối tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của anh V, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của anh và chị H chưa đồng nhất với nhau trong việc xác định mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh chị đều khai nhận đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng trái lại cuộc sống vợ chồng của anh chị thường xảy ra xung đột, anh chị thiếu sự tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong công việc gia đình. Trong suốt khoảng thời gian ly thân nhau, bản thân hai anh chị cũng không tìm giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ anh chị đã bỏ mặc cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, nên anh V yêu cầu ly hôn chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 – Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên Tòa, chị H cũng đồng ý hôn nên xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lâm Hoài V được ly hôn chị Huỳnh Cẩm H.

[2.2] Về con chung, anh V và chị H cùng xác định anh chị có một con chung tên Lâm Gia P, sinh ngày 26/6/2015, hiện cháu P đang do anh V nuôi dưỡng. Giữa anh V và chị H ai cũng có yêu cầu được quyền nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, về điều kiện kinh tế anh chị đã chứng minh qua khoản thu nhập từ lương đảm bảo điều kiện nuôi con để con phát triển tốt về mặt thể chất. Tuy nhiên, khoảng thời gian qua, cháu P sống với anh V, mặc dù anh không trực tiếp chăm sóc con, anh gửi cháu P cho ông C và bà M (cha mẹ anh V) trực tiếp chăm sóc nhưng hàng tuần anh thường xuyên về thăm con và trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ con. Nên khoảng thời gian qua, cháu P sống với anh V và ông bà, cháu P vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Kể từ thời điểm cháu P sống với anh V, chị H không một lần đến thăm hỏi, chăm sóc cháu. Chị H cho rằng do bị anh V đánh đập nên việc chị đến thăm con sợ nguy hiểm đến tính mạng. Hơn nữa, bản thân anh V có tính vũ phu nên chị sợ cháu P sống với anh V sẽ ảnh hưởng đến tính cách trên. Tại phiên Tòa, chị cung cấp hình ảnh cũng như đoạn tin nhắn giữa chị và anh V nhằm chứng minh chị bị anh V đánh đập. Tuy nhiên, anh V không thừa nhận và không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nên đối với nguồn chứng cứ trên không đảm bảo tính hợp pháp của chứng cứ. Mặt khác, chị H cũng không chứng minh được thời gian qua cháu P sống với anh V cũng như việc ông C, bà M chăm sóc cháu không tốt hoặc có hành vi ngược đãi cháu, ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu P. Nhằm tạo điều kiện cho cháu P được ổn định phát triển về mặt tâm sinh lý, hiện cháu đang sống ổn định với anh V thì tiếp tục giao cho anh V nuôi dưỡng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Lâm Gia P cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, bản thân anh V đã chứng minh về điều kiện kinh tế của mình đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu P phát triển tốt nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp sau này anh V, chị H có sự thay đổi quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác. Chị H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

[2.3] Về tài sản và nợ chung, anh V, chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm anh V phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 007106 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm và không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 01 – Điều 28; Khoản 01 – Điều 35; điểm a – Khoản 01 – Điều 39; Khoản 4 - Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 01 – Điều 56; Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Lâm Hoài V được ly hôn với chị Huỳnh Cẩm H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lâm Gia P - Sinh ngày 26/6/2015 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, bản thân anh V đã chứng minh về điều kiện kinh tế của mình đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu P phát triển tốt nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp sau này anh V, chị H có sự thay đổi quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác. Chị H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

3. Về án phí: Buộc anh V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 007106 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, anh V, chị H được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 01/11/2018). Ông C, bà M được tính kể từ ngày nhận được cấp tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Hòa An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**